

Màn hình LCD có độ hiển thị cao với 2 màu LED (đỏ và xanh).

- Đầu vào tiếp điểm, NPN, PNP hoặc xung điện áp
- Cài đặt dễ dàng bằng phím mặt trước
- Chức năng đo trung bình triệt tiêu sự nhấp nháy màn hình.
- Các chức năng biến đổi tỷ lệ, thời gian tự động trở về 0, thời gian bù khởi động.
- Dễ theo dõi giá trị tối đa / tối thiểu.
- Độ sâu chỉ 80 mm (đo từ mép mặt trước).
- Bọc an toàn bảo vệ chống điện giật.
- Mặt trước không thấm nước và bụi tiêu chuẩn
- NEMA4X (IP66).

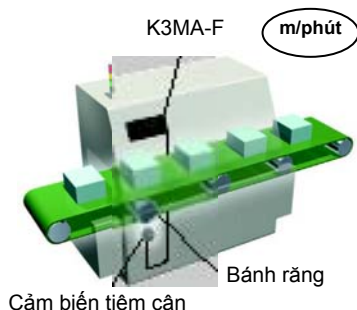


### Thông tin đặt hàng

Loại đầu vào	Điện áp nguồn	Đầu ra	Model
Xung vòng quay	100 - 240 VAC	Không	K3MA-F 100-240VAC
		2 đầu ra tiếp điểm rơ le (SPST-NO)	K3MA-F-A2 100-240VAC
	24 VAC/VDC	Không	K3MA-F 24VAC/VDC
		2 đầu ra tiếp điểm rơ le (SPST-NO)	K3MA-F-A2 24VAC/VDC.

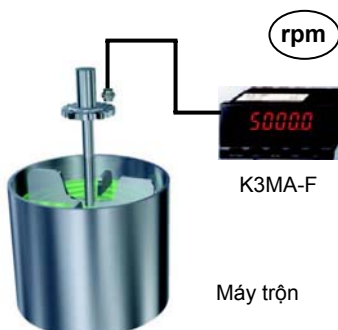
### Các ví dụ ứng dụng

Hiện thị tốc độ vận chuyển dây đai bằng tải



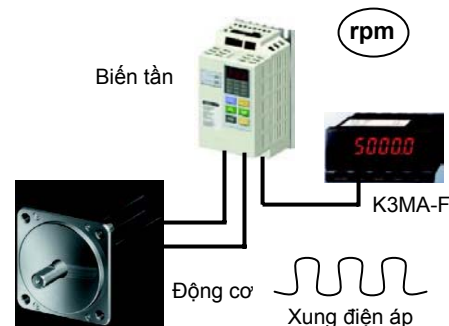
\* Theo dõi tốc độ dây chuyền trong chế biến thực phẩm, băng tải.

Theo dõi vòng quay của máy trộn



\* Các máy trộn cho đúc khuôn chất dẻo.  
\* Máy chế biến dạng bột / viên, máy tách ly tâm.

Hiện thị vòng quay hoặc tốc độ dây chuyền từ đầu ra của biến tần



**Lưu ý:** Nếu đầu ra từ biến tần là analog, dạng 0 tới 10V: sử dụng K3MA-J.

\* Theo dõi tốc độ băng tải.  
\* Thiết bị cơ giới (máy nghiền, máy đánh bóng).

## Đặc tính kỹ thuật

### ▪ Đầu ra tiếp điểm rơ le

Mục	Tải trở kháng ( $\cos\phi = 1$ )	Tải cảm ứng ( $\cos\phi = 0,4$ ; L/R=7 ms)
Tải định mức	5 A ở 250VAC, 5 A ở 30VDC	1,5 A ở 250 VAC ; 1,5A ở 30 VDC
Dòng điện định mức	tối đa 5 A (ở đầu nối COM)	
Điện áp tiếp điểm tối đa	250VAC, 150 VDC	
Dòng tiếp điểm tối đa	5 A (ở đầu nối COM)	
Công suất đóng cắt tối đa	1,250 VA, 150W	250 VA, 30 W
Tải có thể cho phép tối thiểu	10 mA, 5 VDC	
Tuổi thọ cơ	tối thiểu 5.000.000 lần (tần số đóng mở 1.200 lần / phút)	
Tuổi thọ điện (ở nhiệt độ môi trường là 20°C)	tối thiểu 100.000 lần (tần số đóng mở tải định mức 10 lần / phút)	

### ▪ Đầu vào tiếp điểm không điện áp hoặc hở collector

Đầu vào	Dải đo	Độ chính xác	Phạm vi hiển thị
Tiếp điểm không điện áp (tối đa 30 Hz) với xung bật / tắt độ rộng tối thiểu 15 ms.	0,05 tới 30,00Hz.	$\pm 0,1\%$ FS $\pm$ tối đa 1 chữ số (ở $23 \pm 5^\circ\text{C}$ )	-19999 tới 99999 (với chức năng biến đổi tỷ lệ).
Hở collector (tối đa 5 kHz) với xung bật / tắt độ rộng tối thiểu 90 $\mu$ s.	0,05 tới 5000,0Hz.		

### ▪ Các đặc tính kỹ thuật

Tín hiệu đầu vào	Tiếp điểm không điện áp (tối đa 30Hz, xung bật / tắt, độ rộng tối thiểu 15ms) Xung điện áp (tối đa 5 kHz, xung bật / tắt độ rộng tối thiểu 90 $\mu$ s, điện áp bật: 4,5 tới 30V / điện áp tắt : 0 tới 2V) Hở collector (tối đa 5 kHz, xung bật / tắt độ rộng tối đa 90 $\mu$ s) <b>Cảm biến có thể kết nối</b> Điện áp ON dư : tối đa 2,5 V; Dòng rò : tối đa 0,1 mA Dòng tải : Tối thiểu 15mA. Phải có thể chuyển tải tối đa 5mA một cách độc lập.
Độ chính xác đo	$\pm 0,1\%$ FS $\pm$ 1 chữ số (ở $23 \pm 5^\circ\text{C}$ )
Phương pháp đo	Phương pháp chu kỳ
Dải hiển thị tối đa	5 chữ số (-19999 to 99999)
Màn hình	Màn hình số 7 thanh, độ cao nét chữ: 14,2 mm.
Chỉ thị cực tính	“-“ được hiển thị tự động khi tín hiệu đầu vào âm.
Chỉ thị 0	Các số 0 đứng đầu không được hiển thị.
Chức năng tỷ lệ	Lập trình với các phím trước (Phạm vi của màn hình : -19999 tới 99999). Vị trí dấu chấm thập phân tùy chọn.
Chức năng giữ	Giữ giá trị tối đa, giá trị tối thiểu
Thiết lập trễ	Lập trình với các phím trước (0001 tới 9999).
Các chức năng khác	Chức năng biến đổi tỷ lệ ; Thay đổi màu màn hình: xanh (đỏ), đỏ (xanh) Thay đổi loại đầu ra OUT (giới hạn trên, giới hạn dưới, giới hạn trên / dưới) Xử lý trung bình (trung bình đơn giản OFF/2/4/8) Thời gian tự động trở về 0; Thời gian bù khởi động; Khóa thay đổi thiết lập Tạo giá trị khởi đầu thông số; Thời gian tự động quay trở lại màn hình
Đầu ra	Rơ le : 2 SPST-NO
Trễ ở các đầu ra so sánh	Tối đa 750 ms
Cấp bảo vệ	Mặt trước : NEMA4X cho sử dụng trong nhà (tương đương với IP66) Vỏ phía sau : IEC tiêu chuẩn IP20 Các đầu nối : IEC tiêu chuẩn IP00 + Bảo vệ ngón tay (VDE0106/100)
Bảo vệ bộ nhớ	Bộ nhớ tự lưu (EEPROM) (Có thể ghi lại 100.000 lần)